

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K180 (HUYỆN NGHI XUÂN)**

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Thị	An	01	8,0	Tám chẵn	
2	Nguyễn Phong	An	02	8,0	Tám chẵn	
3	Trần Ngọc	An	03	8,5	Tám rưỡi	
4	Nguyễn Văn	Cảnh	04	8,0	Tám chẵn	
5	Hoàng Văn	Châu	05	8,0	Tám chẵn	
6	Trần Thị Hồng	Chiên	06	8,0	Tám chẵn	
7	Trần Quang	Đạt	07	8,0	Tám chẵn	
8	Hà Văn	Đề	08	7,5	Bảy rưỡi	
9	Đinh Thị Hương	Dịu	10	8,0	Tám chẵn	
10	Phạm Văn	Đồng	11	7,0	Bảy chẵn	
11	Đặng Thị Thủy	Dung	12	7,5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Tiến	Dũng	13	8,0	Tám chẵn	
13	Nguyễn Thị Thu	Duyên	14	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đặng Thị	Giang	15	8,5	Tám rưỡi	
15	Võ Thị Thu	Giang	16	8,0	Tám chẵn	
16	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
17	Cao Thị Hương	Giang	18	8,0	Tám chẵn	
18	Nguyễn Đức	Hà	19	8,5	Tám rưỡi	
19	Đặng Thị Ngọc	Hà	20	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
20	Lê Thị Thanh	Hà	21	8,5	Tám rưỡi	
21	Ngô Thị Khánh	Hà	22	8,5	Tám rưỡi	
22	Lê Thanh	Hải	23	8,25	Tám phẩy hai lăm	
23	Lê Thị	Hiên	24	8,0	Tám chẵn	
24	Trần Thị Thúy	Hiên	25	8,0	Tám chẵn	
25	Trần Thị	Hiên	26	8,0	Tám chẵn	
26	Đinh Thanh	Hiếu	27	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
27	Võ Thị	Hoa	28	7,5	Bảy rưỡi	
28	Dương Thị	Hoa	29	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Thị Thu	Hòa	30	8,5	Tám rưỡi	
30	Đinh Thị Thu	Hòa	31	7,5	Bảy rưỡi	
31	Phan Đình	Hợp	32	7,0	Bảy chẵn	
32	Trần Thị	Hương	33	8,0	Tám chẵn	
33	Nguyễn Thị	Hương	34	8,5	Tám rưỡi	
34	Cao Thị	Hương	35	8,0	Tám chẵn	
35	Lê Thị	Hường	36	8,0	Tám chẵn	
36	Trần Thị	Hường	37	8,0	Tám chẵn	
37	Phạm Thị Bích	Hường	38	8,0	Tám chẵn	
38	Nguyễn Thị	Huyền	39	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Công	Kiên	40	7,0	Bảy chẵn	
40	Trần Thị	Lài	41	7,0	Bảy chẵn	
41	Nguyễn Thị	Lan	42	8,0	Tám chẵn	
42	Nguyễn Thị	Lan	43	8,5	Tám rưỡi	
43	Nguyễn Ngọc	Lan	44	8,5	Tám rưỡi	
44	Đinh Thị Mai	Lê	45	8,5	Tám rưỡi	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	46	8,0	Tám chẵn	
46	Trần Thị Thanh	Loan	47	7,5	Bảy rưỡi	
47	Trần Thị Hải	Lý	48	8,0	Tám chẵn	
48	Lê Thị	Mai	49	8,0	Tám chẵn	
49	Cao Thị Lệ	Mỹ	50	8,5	Tám rưỡi	
50	Trần Thị Hoài	Nam	51	7,0	Bảy chẵn	
51	Tô Thị	Nga	52	8,0	Tám chẵn	
52	Phạm Thị Thanh	Nga	53	8,5	Tám rưỡi	
53	Nguyễn Thị Thúy	Nga	54	8,5	Tám rưỡi	
54	Bùi Đình	Nhân	55	7,0	Bảy chẵn	
55	Trần Thị	Nhung	56	7,5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị	Ninh	57	8,0	Tám chẵn	
57	Phan Thị Mai	Phương	59	7,5	Bảy rưỡi	
58	Võ Đức	Tài	60	8,0	Tám chẵn	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
59	Trịnh Trần Minh	Tâm	61	7,0	Bảy chẵn	
60	Trần Thị Thanh	Tâm	62	7,0	Bảy chẵn	
61	Phan Anh	Thắng	63	8,5	Tám rưỡi	
62	Lê Hoài	Thom	64	8,0	Tám chẵn	
63	Trần Th Hoài	Thu	65	7,0	Bảy chẵn	
64	Vũ Thị Huyền	Thương	66	8,0	Tám chẵn	
65	Nguyễn Thị	Thúy	67	8,5	Tám rưỡi	
66	Hà Thị Phan	Thủy	68	8,0	Tám chẵn	
67	Lê Hữu	Tiến	70	8,0	Tám chẵn	
68	Nguyễn Thị Thanh	Trà	71	8,0	Tám chẵn	
69	Lê Thị	Vân	72	8,0	Tám chẵn	
70	Trần Thế	Vinh	73	7,0	Bảy chẵn	
71	Hồ Thị	Xuân	74	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Thị Hải	Yến	75	7,5	Bảy rưỡi	
73	Lê Thị	Thủy	76	8,0	Tám chẵn	
74	Lê Thị	Hải	77	8,5	Tám rưỡi	
75	Lê Xuân	Hải	78	8,5	Tám rưỡi	
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung	79	8,0	Tám chẵn	
77	Hoàng Thị Việt	Hà	80	8,5	Tám rưỡi	
78	Nguyễn Thị	Hằng	81	8,0	Tám chẵn	
79	Võ Thị	Thủy	82	7,5	Bảy rưỡi	

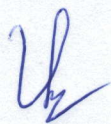
Danh sách này gồm: 79 học viên

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ